

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2020

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Diễm Kiều;

2. Bà Phạm Thị Em.

- Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 467/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75^a/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Hương L, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: A, phường N, quận M, TP HCM.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Minh H, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị L, anh H có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương L trình bày:

Chị Nguyễn Thị Hương L và anh Nguyễn Minh H tự nguyện kết hôn vào năm 2010. Anh chị tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi cưới, vợ chồng chị Thía sống chung với gia đình anh H khoảng 02 năm sau đó chuyển lên TPHCM sinh sống. Trong quá trình chung sống, anh chị hạnh phúc khoảng 02 – 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, cờ bạc, rượu chè. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị L nhiều lần khuyên nhủ, tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn. Gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa cũng đã tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ tháng 6 năm 2019 chị L, anh H ly thân

đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: chị L, anh H có 01 con chung tên là Nguyễn Minh N, sinh ngày 23/12/2010. Hiện nay, cháu N đang sống với chị L. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Từ trước đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và lo cho cháu chu đáo.

Về chia tài sản chung và nợ chung: chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Bị đơn anh Nguyễn Minh H trình bày:

Anh H đồng ý ly hôn với chị L.

Về nuôi con chung: chị L, anh H có 01 con chung tên là Nguyễn Minh N, sinh ngày 23/12/2010. Hiện nay, cháu N đang sống với chị L. Khi ly hôn anh H đồng ý cho chị L được tiếp tục nuôi cháu N, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho anh sau khi ly hôn.

Do bận công việc nên chị L, anh H không đến dự phiên tòa sơ thẩm được, anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 02/7/2020, chị Nguyễn Thị Hương L khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh Trí. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương L và anh Nguyễn Minh H có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh H là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn của chị L*:

Chị L, anh H tự nguyện kết hôn vào năm 2010 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/01/2010. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc khoảng 02 – 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị L do anh H không lo làm ăn, cờ bạc, rượu chè. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị L nhiều lần tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn, gia đình hai bên đã khuyên nhủ hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ tháng 6/2019, chị L, anh H ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Chị L xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Đối với yêu cầu này của chị L, anh H đồng ý. Điều này có cơ sở khẳng định tình trạng của vợ chồng chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: anh H, chị L có 01 con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 23/12/2010. Hiện nay, cháu N đang sống với chị L. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu N; cháu N có mong muốn được sống với chị L. Anh H cũng đồng ý cho chị L được tiếp tục nuôi cháu N nên cần giao cháu N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng: chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết chị L có quyền yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung: chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H cho rằng có tài sản chung nhưng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị L, anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Chị L, anh H không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[7] Về án phí: chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hương L xin ly hôn đối với anh Nguyễn Minh H;

* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hương L với anh Nguyễn Minh H.

* Về nuôi con chung: giao con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 23/12/2010 cho chị Nguyễn Thị Hương L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Hương L không yêu cầu anh Nguyễn Minh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Minh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

* Về chia tài sản chung: chị Nguyễn Thị Hương L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Minh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

* Về nợ chung: chị L, anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Chị L, anh H không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Hương L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001401 ngày 28/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã Quới Sơn;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Minh Trung